

Bản án số: 366/2020/DS-ST

Ngày: 30-9-2020

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN T – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trương Lê Diễm Thúy.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lê Văn Ngọc

2. Bà Phạm Thị Mai

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Hải Sâm – Thư ký Tòa án nhân dân quận T – Thành phố Hồ Chí Minh.

***Đại diện viện kiểm sát nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Bà Lê Trương Hà Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2020 tại Tòa án nhân dân quận T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 220/2020/TLST-DS ngày 28 tháng 5 năm 2020 về: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 308/2020/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại Cổ phần A.

Địa chỉ trụ sở chính: 442 K, Phường Y, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh;

Địa chỉ liên hệ: Lầu 8, tòa nhà B, Phường Q, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:* Ông Phạm Trung K, sinh năm 1997; địa chỉ: tòa nhà B, Phường Q, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh (*Ông K có mặt*)

- *Bị đơn:*

1. Ông Nguyễn Thanh L, sinh năm 1974; địa chỉ cư trú: Chung cư C, Phường Z, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (*Ông L vắng mặt*).

2. Bà Võ Thị Thu T, sinh năm 1978, địa chỉ thường trú: Phường E, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (*bà T vắng mặt*)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, biên bản không tiến hành hòa giải được, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Căn cứ theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng, bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP A (sau đây gọi là Ngân hàng), các văn bản khác của ông Nguyễn Thanh L và bà Võ Thị Thu T đề ngày 12/9/2016, Ngân hàng đã cấp thẻ tín dụng cho ông L và bà T. Chi tiết như sau: Số thẻ chính M do Ngân hàng cấp cho ông L. Số thẻ phụ N do Ngân hàng cấp cho bà T. Loại thẻ cấp là thẻ Visa vàng EMV (thẻ tín dụng quốc tế), hạn mức thẻ 200.000.000 đồng, lãi suất theo bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng.

Quá trình sử dụng thẻ tín dụng, ông L và bà T đã không thanh toán đầy đủ cho Ngân hàng theo thông báo giao dịch hàng tháng. Do đó, ngày 25/3/2018 Ngân hàng đã chuyển thẻ của ông L và bà T sang nợ quá hạn và chấm dứt sử dụng thẻ trước hạn. Ngày 10/3/2020 Ngân hàng ra thông báo chuyển nợ quá hạn và thu hồi nợ trước hạn đối với toàn bộ nợ thẻ chưa thanh toán của ông L và bà T. Tính đến ngày 24/8/2020 ông L và bà T còn nợ Ngân hàng các khoản sau: Nợ gốc: 111.916.542 đồng; lãi quá hạn tạm tính đến ngày 24/8/2020 là: 47.861.172 đồng

Ngân hàng yêu cầu ông L và bà T phải trả ngay một lần tổng dư nợ còn thiếu tạm tính đến ngày 24/8/2020 là 159.777.714 đồng, bao gồm nợ gốc 111.916.542 đồng (sau khi khởi kiện thì ông L có trả cho Ngân hàng 02 lần với tổng số tiền 100.000.000 đồng, được trừ vào nợ gốc), lãi quá hạn tạm tính đến ngày 24/8/2020 là: 47.861.172 đồng. Ngoài ra, ông L và bà T còn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn quy định tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng, bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP A kể từ ngày 25/8/2020 đến ngày trả dứt nợ.

Bị đơn ông Nguyễn Thanh L và bà Võ Thị Thu T mặc dù đã được Tòa án triệu tập để tự khai trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nhưng đều vắng mặt không có lý do và cũng không có bất cứ ý kiến phản đối nào đối với yêu cầu của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Phạm Trung K trình bày: Do vợ chồng ông L và bà T vi phạm nghĩa vụ thanh toán như cam kết trong hợp đồng nên ngày 25/3/2018 Ngân hàng đã chuyển thẻ của ông L và bà T sang nợ quá hạn và chấm dứt sử dụng thẻ trước hạn. Ngày 10/3/2020 Ngân hàng ra thông báo chuyển nợ quá hạn và thu hồi nợ trước hạn đối với toàn bộ nợ thẻ chưa thanh toán của ông L và bà T. Ngày 10/12/2019 ông L có thanh toán cho Ngân hàng 50.000.000 đồng, ngày 09/6/2020 ông L thanh toán 50.000.000 đồng. Số tiền này được Ngân hàng trừ vào tiền nợ gốc. Tính đến ngày 30/9/2020 ông L và bà T còn nợ Ngân hàng số tiền 164.712.774 đồng. Trong đó nợ gốc là 111.916.542 đồng, nợ lãi 52.796.232 đồng. Ngân hàng yêu cầu ông L và bà T phải liên đới trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc và lãi nêu trên. Ngoài ra, ông L và bà T còn phải trả tiền lãi phát sinh kể từ ngày 01/10/2020 đối với số tiền còn nợ theo lãi suất thỏa thuận trên hợp đồng.

Bị đơn, ông Nguyễn Thanh L và bà Võ Thị Thu T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do.

*Đại diện viện kiểm sát nhân dân quận T phát biểu:*

- Việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử là đúng qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng, quan hệ pháp luật tranh chấp. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Về phía đương sự, Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt, niêm yết hợp lệ nhưng bị đơn vẫn vắng mặt, không đến Tòa án để giải quyết.

- Về nội dung: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của nguyên đơn, xét thấy việc Ngân hàng A yêu cầu bị đơn là ông Nguyễn Thanh L và bà Võ Thị Thu T phải trả số tiền còn nợ tính đến ngày 30/9/2020 là 164.712.774 đồng. Trong đó nợ gốc là 111.916.542 đồng, nợ lãi 52.796.232 đồng và tiếp tục trả tiền lãi phát sinh từ ngày 01/10/2020 cho đến khi thi hành án xong theo lãi suất các bên thỏa thuận là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày và tranh luận của các bên đương sự tại phiên tòa, ý kiến của đại diện viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần A khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với bị đơn – ông Nguyễn Thanh L và bà Võ Thị Thu T. Theo kết quả xác minh của Công an Phường Z, quận T thì ông L hiện đang cư trú tại địa chỉ Chung cư C, Phường Z, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Kết quả xác minh của Công an Phường E, quận T Thành phố Hồ Chí Minh thì bà Võ Thị Thu T có hộ khẩu thường trú tại H, Phường E, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh và đã bán nhà đi khỏi địa phương, không rõ địa chỉ nơi đến. Như vậy, theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và hướng dẫn tại Điều 6 của Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận T.

Bị đơn – ông Nguyễn Thanh L và bà Võ Thị Thu T mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về pháp luật nội dung: Xét yêu cầu của Ngân hàng TMCP A (sau đây gọi là Ngân hàng A), buộc ông Nguyễn Thanh L và bà Võ Thị Thu T thanh toán số tiền nợ tổng cộng: 164.712.774 đồng. Trong đó, nợ gốc: 111.916.542 đồng;

nợ lãi tạm tính đến ngày 30/9/2020 là 52.796.232 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng, bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng A, thư yêu cầu dành cho chủ thẻ do Ngân hàng A ký với ông Nguyễn Thanh L và vợ là bà Võ Thị Thu T đề ngày 12/9/2016, xác nhận của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thì có đủ cơ sở xác định Ngân hàng A có cấp thẻ tín dụng cho ông Nguyễn Thanh L và vợ là bà Võ Thị Thu T với hạn mức 200.000.000 đồng. Quá trình sử dụng thẻ tín dụng, ông L và bà T đã vi phạm nghĩa vụ, không thanh toán đầy đủ cho Ngân hàng. Kể từ ngày 25/3/2018 Ngân hàng A chuyển khoản thẻ sang nợ quá hạn và chấm dứt việc sử dụng thẻ. Sau đó, ông L có trả cho Ngân hàng A tổng cộng 100.000.000 (một trăm triệu) đồng. Số tiền này được trừ vào tiền nợ gốc. Ngân hàng A đã nhiều lần liên hệ, yêu cầu ông L và bà T thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng nhưng ông L và bà T cố tình né tránh, không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Tính đến ngày 30/9/2020 ông L, bà T còn nợ Ngân hàng A số tiền tổng cộng: 164.712.774 đồng. Trong đó, nợ gốc: 111.916.542 đồng; nợ lãi tạm tính đến ngày 30/9/2020 là 52.796.232 đồng. Xét thấy, khi ông L ký với Ngân hàng A Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 12/9/2016, bà T, là vợ ông L, cùng ký tên tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng, thể hiện bà T biết và đồng ý việc ông L yêu cầu Ngân hàng A cấp thẻ tín dụng hạn mức 200.000.000 đồng để sử dụng. Do vậy, Ngân hàng yêu cầu ông L và bà T phải liên đới trả ngay một lần toàn bộ số tiền trên và yêu cầu kể từ ngày 01/10/2020 cho đến khi thi hành án xong, ông L và bà T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng, bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng A là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về án phí sơ thẩm: Án phí dân sự sơ thẩm là 8.235.639 đồng do bị đơn – ông Nguyễn Thanh L và bà Võ Thị Thu T phải liên đới chịu. Hoàn trả lại cho Nguyên đơn - Ngân hàng A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.625.700 đồng.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn là ông Nguyễn Thanh L và bà Võ Thị Thu T vẫn vắng mặt không có lý do, cũng như không đưa ra bất cứ một phản đối nào đối với yêu cầu của nguyên đơn, hoặc chứng cứ nào để chứng minh cho quan điểm của mình. Vì vậy, bị đơn phải chịu hậu quả pháp lý đối với việc vắng mặt của mình.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự 2015; các Điều 280, 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 91, 95, 98 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn - Ngân hàng Thương mại Cổ phần A:

Buộc ông Nguyễn Thanh L và bà Võ Thị Thu T có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu số tiền 164.712.774 (một trăm sáu mươi bốn triệu bảy trăm mười hai ngàn bảy trăm bảy mươi bốn) đồng. Trong đó, nợ gốc: 111.916.542 (một trăm mười một triệu chín trăm mười sáu ngàn năm trăm bốn mươi hai) đồng; nợ lãi tạm tính đến ngày 30/9/2020 là 52.796.232 (năm mươi hai triệu bảy trăm chín mươi sáu ngàn hai trăm ba mươi hai) đồng.

Kể từ ngày 01/10/2020 cho đến khi thi hành án xong, ông L và bà T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 12/9/2016, bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng A.

Phương thức và thời hạn trả: Trả một lần toàn bộ số tiền trên ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật và thực hiện tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2/ Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm 8.235.639 (tám triệu hai trăm ba mươi lăm ngàn sáu trăm ba mươi chín) đồng do ông Nguyễn Thanh L và bà Võ Thị Thu T phải liên đới chịu.

Hoàn lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.625.700 (năm triệu sáu trăm hai mươi lăm ngàn bảy trăm) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0016301 ngày 20/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T.

3/ Về quyền kháng cáo: Ngân hàng Thương mại Cổ phần A được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Nguyễn Thanh L và bà Võ Thị Thu T vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân TP.HCM;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND Q.T;
- Chi cục THADS Q.T;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

**Trương Lê Diễm Thúy**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA**







**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- VKSND Q.T;
- Chi cục THADS Q.T;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trương Lê Diễm Thúy**

